

Bản án số: 06/2018/HSPT

Ngày: 22/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tuyên.

Các thẩm phán: Ông Ngô Xuân Hải.

Bà Nghiêm Thị Lượng.

- Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 147/2017/HSPT ngày 26 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 117/2017/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Văn Q, sinh năm 1974;

Nơi ĐHKTT: thôn Ngọ Dương 3, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Chỗ ở: Phòng 203/D1, khu đô thị Ecopark, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên;

Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1943 (đã chết) và bà Lương Thị C, sinh năm 1947; gia đình có 03 anh em, bản thân là lớn

Có vợ là Trương Thị Kim O, sinh năm 1979; có 03 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/02/2017 đến ngày 12/02/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” hiện bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. Ngô Xuân T, sinh năm 1976;

Nơi ĐHKTT: số 23, ngõ 475, đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội;

Chỗ ở: số 25, đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh;

Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kế toán;

Con ông Ngô Xuân T, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; Gia đình có 3 anh em, bản thân là lớn;

Có vợ Hoàng Thị P, sinh năm 1986; có 03 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/01/2017 đến 21/02/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “ Cấm đi khỏi nơi cư trú” hiện bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 1968;

Nơi ĐHKTT và chỗ ở: thôn K, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân;

Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1933 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1936 (đã chết); gia đình có 6 anh em, bản thân là thứ tư

Có vợ Đoàn Thị H, sinh năm 1971; có 02 con lớn sinh 1998, nhỏ sinh 2004;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” - Có mặt tại phiên tòa.

4. Lưu Văn K, sinh năm 1977;

Nơi ĐHKTT và chỗ ở: thôn Ngõ Dương 4, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Lưu Văn T, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Vũ Thị H, sinh năm 1941; gia đình có 06 anh chị em, bản thân là thứ 5

Có vợ Ngô Thị L, sinh năm 1981; có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Đăng T, sinh năm 1974

Nơi ĐHKTT và chỗ ở: thôn M, xã MĐ, huyện H1, tỉnh Bắc Giang;

Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do;

Con ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1937 và bà Dương Thị L, sinh năm 1940; gia đình có 6 anh chị em, bản thân là thứ 5;

Có vợ Lê Thị N, sinh năm 1979; có 04 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2011;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 11/2016/HSST ngày 02/02/2016, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có 02 bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian 9/2009 đến tháng 5/2011, Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; trú tại: Trịnh Xá, Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh đã cùng các đối tượng là Nguyễn Văn P, Ngô Văn Q, Nguyễn Đăng T, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn L, Lưu Văn K thành lập 06 công ty có tên lần lượt là Tuấn Nga, Hải Hậu, Văn Khương, Thái Dương, Quang Bắc, Quốc Khánh để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) khống. Bị cáo Nguyễn Văn T được L giao làm kế toán cho 06 công ty trên có nhiệm vụ cân đối hóa đơn đầu ra khống của các công ty đầu ra để lấy hóa đơn đầu vào khống. Số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo có kháng cáo cụ thể như sau:

- Bị cáo Ngô Văn Q: Từ tháng 5/2010 đến tháng 5/2011, mặc dù biết rõ L thành lập công ty để mua bán trái phép hoá đơn GTGT, song Q đã giúp L thành

lập Công ty Quang Bắc đồng thời rủ Lưu Văn K thành lập Công ty Thái Dương để L điều hành, thực hiện việc mua, bán hoá đơn. Q đã ký vào các hoá đơn, chứng từ như: quyền hoá đơn GTGT, uỷ nhiệm chi, séc không... tạo điều kiện để L mua, bán trái phép hoá đơn GTGT không và kê khai chót lọt 545 hoá đơn của Công ty Quang Bắc, trong đó có 394 hoá đơn đầu ra trị giá 147.031.090.437đ tiền hàng, 14.703.109.044đ tiền thuế và 151 hoá đơn đầu vào trị giá 146.814.648.303 tiền hàng, 14.681.464.830đ tiền thuế. Ngoài ra, Q đã mua của 05 công ty với số lượng là 191 hoá đơn không trị giá 214.106.108.167đ tiền hàng, 21.410.610.817đ tiền thuế giá mua 1,9% để cấp làm đầu vào cho các Công ty Tuấn Nga, Quang Bắc, Quốc K với giá trị 2,0%, hưởng 0,1% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, được hưởng lợi bất chính số tiền là **204.106.108đ**.

- Bị cáo Ngô Xuân T: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2009 đến giữa năm 2011, T được L thuê làm kế toán cho các Công ty Tuấn Nga, Hải Hậu, Quang Bắc, Quốc Khánh, Vân Khương, Thái Dương. Quá trình làm việc T biết rõ L sử dụng các Công ty Tuấn Nga, Hải Hậu, Quang Bắc, Quốc Khánh, Vân Khương, Thái Dương mua, bán trái phép hóa đơn GTGT, song, với nghiệp vụ kế toán, T đã giúp L cân đối số liệu để L mua 1128 hóa đơn đầu vào không cho 06 công ty Tuấn Nga, Hải Hậu, Quang Bắc, Quốc Khánh, Vân Khương, Thái Dương trị giá 1.121.611.557.325đ tiền hàng, tương ứng 111.780.058.219đ tiền thuế; đồng thời giúp L kê khai, kế toán thuế tạo điều kiện để L kê khai chót lọt tổng cộng 3342 hóa đơn đầu ra không trị giá 1.134.243.483.084đ tiền hàng, 112.482.707.188đ tiền thuế và 1128 hóa đơn đầu vào không nêu trên, hưởng lợi bất chính **59.000.000đ**.

- Bị cáo Nguyễn Văn L: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2010 đến tháng 5/2011, L mặc dù biết P, L thành lập công ty để mua, bán trái phép hóa đơn, song L đã giúp P và L thành lập công ty Thái Dương; ký vào các hóa đơn, chứng từ như: quyền hóa đơn GTGT, uỷ nhiệm chi, séc không... tạo điều kiện để P, L mua, bán, kê khai chót lọt 1046 hóa đơn của công ty Thái Dương, trong đó có 265 hóa đơn đầu vào không, trị giá 25.777.601.302đ tiền thuế và 781 hóa đơn đầu ra không, trị giá 25.756.223.924đ tiền thuế, hưởng lợi bất chính **6.000.000đ**.

- Bị cáo Lưu Văn K: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2010 đến tháng 5/2011, K mặc dù biết Q, L thành lập công ty để mua, bán trái phép hóa đơn, song K đã giúp Q, L thành lập công ty Quốc Khánh; ký vào các hóa đơn, chứng từ như: quyền hóa đơn GTGT, uỷ nhiệm chi, séc không... tạo điều kiện để Q, L mua, bán, kê khai chót lọt 616 hóa đơn của công ty Quốc Khánh, trong đó có 197 hóa đơn đầu vào không, trị giá 20.002.386.219đ tiền thuế và 419 hóa đơn

đầu ra không, trị giá 20.035.055.466đ tiền thuế, **hưởng lợi bất chính 10.000.000đ.**

- Bị cáo Nguyễn Đăng T: Trong khoảng thời gian từ tháng 2/2010 đến tháng 12/2010, T mặc dù biết L thành lập công ty để mua, bán trái phép hóa đơn, song T đã giúp L thành lập công ty Tuấn Nga; ký vào các hóa đơn, chứng từ như: quyền hóa đơn GTGT, ủy nhiệm chi, séc không... tạo điều kiện để L mua, bán, kê khai chót lọt 700 hóa đơn của công ty Tuấn Nga, trong đó có 145 hóa đơn đầu vào không, trị giá 17.082.225.816đ tiền thuế và 555 hóa đơn đầu ra không, trị giá 17.748.921.820đ tiền thuế, hưởng lợi bất chính **7.000.000đ.**

Với nội dung như trên, bản án hình sự sơ thẩm số 117/2017/HSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã tuyên xử các bị cáo Ngô Văn Q, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn L, Lưu Văn K và Nguyễn Đăng T phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 164a; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015., xử phạt bị cáo Ngô Văn Q 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09/02/2017 đến ngày 12/2/2017.

Phạt bổ sung bị cáo Q 10 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a; điểm b,p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Ngô Xuân T 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 19/01/2017 đến 21/02/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng Tuấn 14 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn K 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/9/2017, bị cáo Ngô Văn Q và Lưu Văn K kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 13/9/2017, bị cáo Ngô Xuân T kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 25/9/2017, bị cáo Nguyễn Văn L và Nguyễn Đăng T kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như án sơ thẩm đã xét xử. Các bị cáo đều cho rằng được cấp sơ thẩm xử phạt tù là quá nặng nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hiện quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá hành vi phạm tội cùng nhân thân của các bị cáo đã đề nghị HĐXX: Hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị L về hình phạt và phần thu lợi bất chính với lý do: Cấp sơ thẩm chấp nhận việc bị cáo L đã sử dụng số tiền thu lợi bất chính để trả lương cho các đối tượng Ngô Xuân T, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Li La, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Hương Nhung, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Đăng T với số tiền 321.000.000đ để từ đó chỉ buộc bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền thu lợi bất chính là 515.205.166đ là không đúng mà phải buộc bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự với toàn bộ số tiền thu lợi bất chính là 836.205.166đ, đồng thời buộc các đối tượng đã được trả lương từ nguồn tiền thu lợi bất chính phải nộp lại số tiền đã nhận để xung công quỹ Nhà nước. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn Q, Lưu Văn K, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn L theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho hưởng án treo. Đối với Nguyễn Đăng T là đối tượng có nhân thân xấu mới chấp hành xong thời gian thử thách của án treo nên cần bác kháng cáo của bị cáo giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt và phần tuyên thu lợi bất chính đối với bị cáo L.

Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị HĐXX xem xét cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tội danh: Xem xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Ngô Văn Q, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn L, Lưu Văn K và Nguyễn Đăng T phạm tội “Mua

bán trái phép chất hóa đơn” theo quy định tại khoản 2 Điều 164a BLHS như cấp sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, HĐXX phúc thẩm thấy:

Trong vụ án này, các bị cáo Ngô Văn Q, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn L, Lưu Văn K đều có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L, các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS 2015, số tiền thu lợi bất chính không lớn, thực chất số tiền mà Ngô Văn T nhận được chính là tiền lương mà bị cáo L trả cho bị cáo. Cấp sơ thẩm có vận dụng các tình tiết giảm nhẹ với các bị cáo, song mức hình phạt tù giam mà cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nghiêm khắc do vậy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo theo hướng cho các bị cáo được hưởng án treo cụ thể như sau:

Đối với Ngô Xuân Q thu lợi bất chính là 204.106.108đ, trong quá trình xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp 50.000.000đ để xung quỹ Nhà nước, bản thân bị cáo có bốn tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, sau khi phạm tội bị cáo lại ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Xong cấp sơ thẩm vẫn xử phạt bị cáo 24 tháng tù giam là quá nghiêm khắc. Trong khi chờ xét xử phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp hết số tiền còn lại là 154.106.108đ để xung quỹ Nhà nước. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo là thỏa đáng.

Đối với Ngô Xuân Tính được bị cáo L trả lương 59.000.000đ bằng tiền thu lợi bất chính và bị cáo cũng bị quy kết phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với số tiền trên vì bị cáo là kế toán đã có hành vi giúp sức cho bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội. Tại cấp sơ thẩm bị cáo cũng đã tự nguyện nộp lại 30.000.000đ, còn thiếu 29.000.000đ. Mặc dù cấp sơ thẩm có sai sót trong phần quyết định không tuyên buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 29.000.000đ thu lợi bất chính còn thiếu, song trong quá trình chờ xét xử phúc thẩm, bị cáo đã nhận thức được trách nhiệm của mình và tự nguyện nộp lại 29.000.000đ để xung công quỹ Nhà nước. Xét đây là tình tiết giảm nhẹ mới đối với bị cáo cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo là thỏa đáng.

Đối với bị cáo Lưu Văn K là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có công với cách mạng bố bị cáo là người có công được tặng thưởng huy chương kháng chiến, trong khi chờ xét xử phúc thẩm bị cáo cũng đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính là 10.000.000đ do vậy cần cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, x

khoản 1 Điều 51 BLHS BLHS 2015 để chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo hướng áp dụng Điều 54 BLHS 2015, giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu đã được hưởng lợi 6.000.000đ là số tiền không lớn. Xét bản thân bị cáo phạm tội lần đầu, thái độ khai báo thành khẩn, gia đình có công với cách mạng, hiện bị cáo cũng đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính, nên cũng cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Đăng T trong vụ án này bị cáo là đóng vai trò thứ yếu, giá trị thu lợi bất chính không lớn nhưng tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã bị TAND huyện Yên Phong đưa ra xét xử 06 tháng tù treo về tội “Đánh bạc”, tuy hành vi xử phạt bị cáo diễn ra sau khi phạm tội này nhưng cũng là căn cứ thể hiện bị cáo là người rất coi thường pháp luật, do vậy cần có mức án thật nghiêm khắc mới đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo. Án sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt mức án 14 tháng tù là hợp lý, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên HĐXX thấy cần bác đơn kháng cáo bị cáo, y án sơ thẩm.

Trong vụ án này, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm đã có những sai phạm như sau:

Thứ nhất: Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án sơ thẩm đều cho rằng việc bị cáo Nguyễn Thị L đã dùng số tiền thu lợi bất chính để trả lương cho các đối tượng Ngô Xuân T, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Li La, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Hương Nhung, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Đăng T với số tiền 321.000.000đ là hợp lệ để chỉ trừ đi trong tổng số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị L để từ đó chỉ buộc Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền thu lợi bất chính là 515.205.166đ là không đúng ảnh hưởng đến đường lối giải quyết vụ án

Thứ hai: Từ sai lầm trên đã ảnh hưởng đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị L và không thu hồi được số tiền thu lợi bất chính là 321.000.000đ gây thiệt hại cho Nhà nước.

Thứ ba: Đối với bị cáo Ngô Xuân T đã được hưởng lợi bất chính là 59.000.000đ, tại cấp sơ thẩm bị cáo mới nộp được 30.000.000đ còn thiếu 29.000.000đ, Song trong phần quyết định của bản án lại không tuyên bị cáo phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 29.000.000đ là vi phạm. Tuy nhiên, trong quá trình chờ xét xử phúc thẩm nhận thức được trách nhiệm của mình, bị cáo

Ngô Xuân T đã tự nguyện nộp nốt 29.000.000đ để xung công quỹ Nhà nước. Do vậy, vi phạm này của cấp sơ thẩm coi như đã được khắc phục.

Thứ tư: Cấp sơ thẩm không đưa Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Li La, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Hương Nhung vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vào tham gia tố tụng để yêu cầu những người này phải nộp lại số tiền được hưởng từ việc thu lợi bất chính là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Xét thấy những vi phạm trên của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm, do vậy cần phải hủy phần hình phạt và phần tuyên tịch thu số tiền thu lợi bất chính đối với Nguyễn Thị L của bản án sơ thẩm để xét xử lại bằng một Hội đồng khác, theo hướng buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng số tiền thu lợi bất chính là 836.205.166đ, để có căn cứ quyết định hình phạt cho chính xác và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Cần đưa Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Li La, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Hương Nhung vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vào tham gia tố tụng để yêu cầu những người này phải nộp lại số tiền được hưởng từ việc thu lợi bất chính để xung quỹ Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX phúc thẩm không xem xét.

Bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Ngô Văn Q, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn L, Lưu Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng T. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c, e khoản 1 Điều 357 BLTTHS 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn Q, Ngô Xuân T, Nguyễn Văn L và Lưu Văn K sửa một phần Bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm tuyên về phần hình phạt và phần tịch thu khoản tiền thu lợi bất chính đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a BLHS 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt:

Nguyễn Đăng Tuấn 14 (mười bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2018.

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2, 3 Điều 164a BLHS 1999; điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt

Ngô Văn Q 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a BLHS 1999; điểm b, s,x khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS năm 2015 xử phạt:

Ngô Xuân T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a BLHS 1999; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 65; Điều 54 BLHS 2015 xử phạt:

Lưu Văn K 09 (chín) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 164a BLHS 1999; điểm b, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự BLHS năm 2015 xử phạt:

Nguyễn Văn L 12 (mười hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Ngô Văn Q, Lưu Văn K cho UBND xã An Hòa, huyện A, TP Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Ngô Xuân T cho UBND thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách..

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Quyết định bắt tạm giam bị cáo Nguyễn Đăng T với thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để bảo đảm thi hành án.

Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 BLTTHS 2015.

Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước gồm:

Ngô Văn Q 204.106.108đ, Nguyễn Văn L 6.000.000đ, Ngô Xuân T 59.000.000đ, Lưu Văn K 10.000.000đ, Nguyễn Đăng T 7.000.000đ.

Xác nhận: Bị cáo Ngô Văn Q đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính là 204.106.108đ tại các phiếu thu 000378 ngày 01/12/2017 và 000397 ngày 15/01/2018. Ngô Xuân T đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính là 59.000.000đ theo phiếu thu số 000396 ngày 15/01/2018, Lưu Văn K đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính là 10.200.000đ theo phiếu thu số 000300 ngày 15/9/2017, Nguyễn Văn L đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000đ theo phiếu thu số 000399 ngày 22/01/2018 và Nguyễn Đăng T đã nộp 7.200.000đ theo phiếu thu số 000269 ngày 26/6/2017 của Cục Thi hành án tỉnh Bắc Ninh. (Kèm biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/7/2017 tại Chi cục thi hành án huyện Tiên Du)

2. Hủy phần hình phạt và phần tuyên tịch thu số tiền thu lợi bất chính của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Thị L để xét xử lại với thành phần hội đồng xét xử khác.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Các bị cáo Nguyễn Văn L, Ngô Văn Q, Ngô Xuân T và Lưu Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PV 27, PC81 CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Tiên Du;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Minh Tuyên